TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2025/DS-PT
Ngày: 11/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 217/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 293/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T;

Trụ sở: Số 226-268 N, phường S, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số 226-268 N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần T.

- Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn G ủy quyền cho ông Phạm Đăng K, sinh năm 1983. Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro & tuân thủ tham gia tố tụng. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1977; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn Vũ L, sinh năm 1978; (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Số 143B ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Số 143B ấp B, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

* ***Người kháng cáo*:** Bà Hồ Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Minh T trình bày:*

Ngày 26/5/2015, bên vay bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre. Qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng vốn và tình hình kinh tế của khách hàng, Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre đã đồng ý cho bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L vay vốn theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1514600166 ngày 26/5/2015; số tiền vay: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: chuyển nhượng bất động sản; lãi suất: 11.5%/năm (lãi suất thả nổi); thời gian vay: 180 tháng; ngày đáo hạn: 26/5/2030; phương thức trả: thanh toán vốn hàng tháng, lãi theo dư nợ giảm dần. Ngày 17/6/2017, sau khi hợp đồng tín dụng số dư nợ giảm dần số LD1514600166 ngày 26/5/2015, bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L có ký hợp đồng vay Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1514600166.1 ngày 17/6/2017 rút một phần tài sản bảo đảm. Trong quá trình thanh toán từ ngày 27/5/2015 đến ngày 25/02/2024, bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L vẫn thanh toán tốt cho Ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 1.015.173.951 đồng, trong đó: vốn đã trả: 464.266.000 đồng, lãi đã trả: 550.907.951 đồng. Khoản vay của bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L đang quá hạn nhóm 4. Tổng vốn lãi tính đến ngày 05/3/2025 là 390.137.000 đồng, trong đó: vốn gốc: 335.734.000 đồng, lãi trong hạn: 49.631.000 đồng, lãi quá hạn: 4.772.000 đồng, số ngày quá hạn: 373 ngày. Tài sản đảm bảo cho khoản vay thuộc quyền sử dụng của khách hàng cụ thể như sau: quyền sử dụng 210,4m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CH07751 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/4/2015 cho ông Nguyễn Văn Vũ L làm chủ sử dụng; quyền sử dụng 778m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN 000257 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 29/3/2011 cho ông Nguyễn Văn Vũ L làm chủ sử dụng.

Khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 của Ngân hàng TMCP T với bà Hồ Thị L: Ngày 24/6/2021, bên vay là bà Hồ Thị L có đề nghị với Ngân hàng TMCP T -chi nhánh Bến Tre cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng và tình hình tài chính, thu nhập của khách hàng, Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Hồ Thị L theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021, loại thẻ Family, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 40.000.000 đồng. Ngày 21/8/2021, bà Hồ Thị L có đề nghị Ngân hàng tăng hạn mức thẻ từ 40.000.000 đồng lên 100.000.000 đồng. Ngày 03/6/2022, bà Hồ Thị L có đề nghị Ngân hàng tăng hạn mức thẻ từ 100.000.000 đồng lên 150.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất: 24,6%/năm, thời hạn sử dụng thẻ: 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng.

Hàng tháng khách hàng phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ ngày 15 tây hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán. Nếu khách hàng phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000 đồng) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó. Nếu khách hàng không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền thanh toán tối thiểu sau 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thẻ sẽ chuyển sang nợ nhóm 2. Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu khách hàng không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 2 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thẻ sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Hồ Thị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 221.500.000 đồng. Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 15/7/2021 đến ngày 30/7/2024, bà Hồ Thị L thanh toán tổng cộng 182.312.896 đồng.

Thẻ tín dụng của bà Hồ Thị L hiện đang quá hạn nhóm 3, tổng vốn và lãi thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 28/10/2024 là 160.015.550 đồng, trong đó: vốn gốc: 128.270.582 đồng, lãi trong hạn: 21.163.312 đồng, lãi quá hạn: 10.581.656 đồng.

Nội dung khởi kiện của Ngân hàng: Căn cứ khoản d Điều 1 các điều khoản chung đính kèm hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1514600166 ngày 26/5/2015 thì bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L đã vi phạm hợp đồng khi không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng dẫn đến khoản vay bị quá hạn nên Ngân hàng đình chỉ hợp đồng tín dụng nêu trên.

Căn cứ khoản 24.1 Điều 24 Phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP T đính kèm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 thì bà Hồ Thị L đã vi phạm hợp đồng khi không thanh toán nợ thẻ tín dụng dẫn đến thẻ tín dụng cũng bị quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T (do Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của dư nợ giảm dần số LD1514600166 ngày 26/5/2015 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1514600166.1 ngày 17/6/2017 là 335.734.000 đồng, lãi trong hạn: 53.417.000 đồng, lãi quá hạn: 5.593.000 đồng. Vậy tổng khoản nợ khách hàng phải trả đến thời điểm 08/4/2025 là 394.744.000 đồng. Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của hợp đồng tín dụng trên từ ngày 09/4/2025 đến khi bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

2. Buộc bà Hồ Thị L phải cho Ngân hàng TMCP T (do Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre nhận thay) toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 tính đến ngày 08/4/2025 là 154.572. 682 đồng, bao gồm vốn gốc: 118.270.582 đồng, lãi trong hạn: 24.201.400 đồng, lãi quá hạn: 12.100.700 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 09/4/2025 đến khi bà Hồ Thị L trả tất nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa ra phán quyết cho xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1514600166 ngày 26/5/2015 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng dất, tài sản gắn liền với đất số LD1514600166.1 ngày 17/6/2017 mà bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1514600166 ngày 26/5/2015 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1514600166.1 ngày 17/6/2017 cho Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre, cụ thể như sau:

Tài sản 1: Quyền sử dụng 210,4m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CH07751 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/4/2015 cho ông Nguyễn Văn Vũ L làm chủ sử dụng.

Tài sản 2: Quyền sử dụng 778m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN 000257 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 29/3/2011 cho ông Nguyễn Văn Vũ L làm chủ sử dụng.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Vũ L trình bày:*

Ông thống nhất các khoản vay mà Ngân hàng TMCP T trình bày, ông và bà L đang tìm phương án trả nợ nhưng chưa có tiếng nói chung.

** Bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:*

Ngày 26/5/2015, bà và ông Nguyễn Văn Vũ L và Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Bến Tre có ký hợp đồng tín dụng số LD1514600166, số tiền vay: 800.000.000 đồng, lãi suất: 11.5%, thời gian vay: 180 tháng.

Quá trình thanh toán, trả lãi hợp đồng này từ ngày 27/5/2015 đến ngày 25/02/2024 bà đã thực hiện đúng và đầy đủ cho Ngân hàng số tiền: 1.015.173.951 đồng, trong đó: trả vốn: 464.266.000 đồng, trả lãi: 550.907.951 đồng.

Dù đứng tên trong hợp đồng vay là hai người nhưng thực tế việc thanh toán tiền gốc và trả lãi cho Ngân hàng là do bà tự giải quyết. Ông Nguyễn Văn Vũ L không đóng góp được số tiền nào do có thời gian chấp hành án tù, trở về thì sống bên ngoài không còn quan tâm đến gia đình, đây là lý do chậm trả tiền cho Ngân hàng. Do tình hình kinh tế khó khăn, buôn bán không ổn định, bà đã chủ động và làm đơn đề nghị Ngân hàng TMCP T giảm bớt tiền lãi trong khả năng cho phép, phía Ngân hàng chấp thuận. Đơn đề nghị giảm lãi được Ngân hàng chấp thuận nhưng phía Ngân hàng yêu cầu phải có chữ ký của ông Nguyễn Văn Vũ L. Khi bà đưa đơn thì ông L nhất quyết không ký, cứ bỏ mặt bà lo trả tiền cho Ngân hàng nên bà đề nghị Ngân hàng TMCP T tính toán và giảm bớt tiền lãi. Bà sẽ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng trong thời gian tới.

Khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/6/2021 giữa Ngân hàng TMCP T và bà Hồ Thị L là khoản vay cá nhân của bà phục vụ cho công việc giải quyết cuộc sống gia đình khi ông Nguyễn Văn Vũ L vướng cảnh tù tội. Do tình hình kinh tế khó khăn chung, buôn bán không ổn định, thất thường, bà đề nghị Ngân hàng TMCP T giảm bớt tiền lãi trong khả năng cho phép. Khoản vay này, sau khi được phía Ngân hàng chấp thuận giảm lãi, bà sẽ cố gắng giải quyết hoàn trả cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất. Thể hiện sự thiện chí của bà, ngày 27/11/2024, bà đã trả số tiền 10.000.000 đồng và sẽ thanh toán dứt điểm số tiền trong thời gian sớm nhất.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 20/12/2024, bà Hồ Thị L trình bày như sau:

Khoản vay thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021, lãi suất: 24,6%/năm, với lãi suất 24,6%/năm vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015:

- Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Hơn nữa, cách tính tiền lãi hàng tháng của Ngân hàng TMCP T đã thu của bà không đúng, thu nhiều:

Tiền lãi phải trả: 40.000.000 đồng x 02 tháng x 2,05%/tháng (24,6% : 12) = 164.400 đồng (1). Khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 21/8/2021 đến ngày 03/6/2022 là 09 tháng 15 ngày. Tiền lãi phải trả: 100.000.000 đồng x 9,5 tháng x 2,05%/tháng (24,6% : 12) = 19.475.000 đồng (2). Khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 03/6/2022 đến ngày 30/7/2024 (ngày Ngân hàng khởi kiện) là 25 tháng. Tiền lãi

phải trả: 150.000.000 đồng x 25 tháng x 2,05%/tháng (24,6%: 12) = 76.875.000 đồng (3). Tổng tiền lãi từ ngày 24/6/2021 đến ngày 30/7/2024 bà Hồ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP T (1)+(2)+(3): 164.400 đồng + 19.475.000 đồng + 76.875.000 đồng = 96.514.400 đồng.

Theo bản tóm tắt sao kê mà Ngân hàng tính và nộp cho Tòa án thì từ ngày 24/6/2021 đến ngày 30/7/2024, bà Hồ Thị L đã trả lãi cho Ngân hàng số tiền là 182.312.896 đồng, chênh lệch: 182.312.896 đồng - 96.514.400 đồng = 85.798.496 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm, bà Hồ Thị L có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng TMCP T phải hoàn trả lại cho bà tiền lãi đã thu quá cao, trái quy định của pháp luật số tiền là 85.798.496 đồng, yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long), tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với ông Nguyễn Văn Vũ L và bà Hồ Thị L.

Buộc Nguyễn Văn Vũ L và bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ vay tính đến ngày 08/4/2025 là 394.744.000 đồng, gồm vốn gốc 335.734.000 đồng, lãi trong hạn 53.417.000 đồng, lãi quá hạn 5.593.000 đồng.

Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L còn phải tiếp tục có trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LD1514600166 ngày 26/5/2015 đã ký giữa bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn Vũ L và Ngân hàng TMCP T kể từ ngày 09/4/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP T.

Buộc bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ vay tính đến ngày 08/4/2025 là 154.572.682 đồng, gồm vốn gốc 118.2770.582, lãi trong hạn 24.201.400 đồng, lãi quá hạn 12.700.700 đồng.

Bà Hồ Thị L còn phải tiếp tục có trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 đã ký giữa bà Hồ Thị L và Ngân hàng TMCP T kể từ ngày 09/4/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP T.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị L về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP T trả lại lãi đã thu.

Trường hợp ông L, bà L không trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì xử lý tài sản đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 120, tờ bản đồ 19, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp số CH 07751 ngày 27/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn Vũ L và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 20, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp số 000257 ngày 29/3/2011 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn Vũ L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/4/2025, bị đơn bà Hồ Thị L có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đăng K trình bày:*

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L có trả vào thẻ tín dụng tổng cộng số tiền 20.000.000 đồng nên nay Ngân hàng yêu cầu bà L trả cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 tính đến ngày 11/9/2025 là 153.453.266 đồng (bao gồm: vốn gốc là 98.270.582 đồng, lãi trong hạn là 36.788.456 đồng, lãi quá hạn là 18.394.228 đồng) và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 12/9/2025 đến khi bà L trả tất nợ cho Ngân hàng; đối với các phần khác thì Ngân hàng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 tính đến ngày 11/9/2025.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Vũ L và bà Hồ Thị L có trách nhiệm liện đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 08/4/2025 là 394.744.000 đồng (gồm vốn gốc là 335.734.000 đồng, lãi trong hạn là 53.417.000 đồng, lãi quá hạn là 5.593.000 đồng) theo hợp đồng tín dụng số LD1514600166 ngày 26/5/2015 và buộc bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 08/4/2025 là 154.572.682 đồng (gồm vốn gốc là 118.2770.582, lãi trong hạn là 24.201.400 đồng,

lãi quá hạn là 12.700.700 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 đã ký giữa bà Hồ Thị L và Ngân hàng. Trường hợp ông L, bà L không trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì được quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp ngày 26/5/2015 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/6/2017. Không đồng ý bản án sơ thẩm, bị đơn bà Hồ Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần tính lãi của hợp đồng tín dụng số LD1514600166 ngày 26/5/2015; chấp nhận yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền lãi vượt là 85.798.496 đồng và trừ số tiền 50.000.000 đồng mà bà đã trả cho Ngân hàng, đồng thời xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng.

[2] Xét thấy, ngày 26/5/2015, giữa Ngân hàng và ông L, bà L có ký với nhau hợp đồng tín dụng số LD1514600166 với số tiền vay là 800.000.000 đồng, lãi suất là 11.5%/năm (lãi suất thả nổi), thời gian vay là 180 tháng; từ ngày 27/5/2015 đến ngày 25/02/2024, bà L và ông L đã thanh toán cho Ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là 1.015.173.951 đồng; từ ngày 25/02/2024 đến nay ông L, bà L không thanh toán cho Ngân hàng như hợp đồng đã ký kết; tổng khoản nợ ông L, bà L phải trả cho Ngân hàng đến thời điểm ngày 08/4/2025 là 394.744.000 đồng (gồm vốn gốc: 335.734.000 đồng, lãi trong hạn: 53.417.000 đồng, lãi quá hạn: 5.593.000 đồng). Việc Ngân hàng tính lãi quá hạn là phù hợp quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các phụ lục đi kèm theo hợp đồng tín dụng số LD1514600166 ngày 26/5/2015. Do ông L, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông L và bà L có trách nhiệm liện đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 08/4/2025 với số tiền 394.744.000 đồng là có căn cứ.

[3] Ngoài ra, vào ngày 24/6/2021, bà L có đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, loại thẻ Family, hạn mức 40.000.000 đồng; ngày 21/08/2021, bà L đề nghị tăng hạn mức lên 100.000.000 đồng và ngày 03/6/2022 tăng lên 150.000.000 đồng. Bà L cho rằng, khi đề nghị cấp thẻ thỏa thuận mức lãi suất là 24,6%/năm, tuy nhiên đối chiếu với bản sao kê thì Ngân hàng có tính lãi vượt, thu lãi quá cao nên bà L yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền vượt lãi là 85.798.496 đồng. Xét thấy, khoản vay của bà L chuyển sang nợ nhóm 4 nên toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh là 150% lãi trong hạn theo thỏa thuận tại điều 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng là đúng với thỏa thuận giữa bà L và Ngân hàng, do đó không có cơ sở tính lại lãi theo yêu cầu của bà L.

Mặt khác, bà L còn cho rằng vào ngày 27/11/2024, ngày 03/02/2025 và ngày 27/3/2025, bà đã trả cho Ngân hàng tổng cộng 30.000.000 đồng nhưng Ngân hàng không trừ ra để tính giảm tiền lãi cho bà. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 08/4/2025,

Ngân hàng đã chốt khoản tiền lãi thẻ tín dụng của bà đến ngày 08/4/2025 trong đó có số tiền 30.000.000 đồng mà bà đã trả cho Ngân hàng. Đối với số tiền bà L đã trả cho Ngân hàng sau khi xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 25/6/2025, ngày 10/7/2025 thì tại phiên tòa, Ngân hàng thừa nhận sau khi xét xử sơ thẩm bà L có trả cho Ngân hàng số tiền như trên, do đó nay Ngân hàng yêu cầu bà L trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 tính đến ngày 11/9/2025 là 153.453.266 đồng (bao gồm: vốn gốc: 98.270.582 đồng, lãi trong hạn: 36.788.456 đồng, lãi quá hạn: 18.394.228 đồng) và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 12/9/2025 đến khi bà L trả tất nợ cho Ngân hàng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Kháng cáo của bà L đối với nội dung này là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[4] Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD1514600166 ngày 26/5/2015, ông L và bà L có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 120, thửa 20, cùng tờ bản đồ 19, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long). Tài sản thế chấp đều thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L và bà L, được công chứng, chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi các bị đơn không trả được khoản nợ vay là có cơ sở.

[5] Đối với các vi phạm tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy khi thay đổi người tiến hành tố tụng, Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng là đúng theo Điều 47, Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội thẩm nhân dân đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với sai sót về họ, tên của Thư ký phiên tòa tại bản án dân sự sơ thẩm là do lỗi đánh máy nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 77/2025/QĐ-SCBSBA ngày 01/7/2025 là đúng quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long).

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long). Cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 94 và 95, 100 Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với ông Nguyễn Văn Vũ L và bà Hồ Thị L.

Buộc Nguyễn Văn Vũ L và bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ vay tính đến ngày 08/4/2025 là 394.744.000đ (Ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), gồm vốn gốc là 335.734.000 đồng, lãi trong hạn là 53.417.000 đồng, lãi quá hạn là 5.593.000 đồng.

Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn Vũ L còn phải tiếp tục có trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LD1514600166 ngày 26/5/2015 đã ký giữa bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn Vũ L và Ngân hàng thương mại cổ phần T kể từ ngày 09/4/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ vay tính đến ngày 11/9/2025 là 153.453.266đ (Một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng) (bao gồm: vốn gốc: 98.270.582 đồng, lãi trong hạn: 36.788.456 đồng, lãi quá hạn: 18.394.228 đồng).

Bà Hồ Thị L còn phải tiếp tục có trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2021 đã ký giữa bà Hồ Thị L và Ngân hàng thương mại cổ phần T kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị L về việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần T trả lại lãi đã thu.

Trường hợp ông L, bà L không trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì xử lý tài sản đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 120,

tờ bản đồ 19, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp số CH 07751 ngày 27/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn Vũ L; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 20, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp số 000257 ngày 29/3/2011 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn Vũ L.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Vũ L và bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 19.737.200đ (Mười chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Buộc bà Hồ Thị L phải chịu án phí là 7.672.663đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.145.000đ (Hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006450 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5- Vĩnh Long). Bà Hồ Thị L còn phải nộp số tiền 5.527.663đ (Năm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí 8.393.350đ (Tám triệu ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003237 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5- Vĩnh Long).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009986 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND huyện T (nay là TAND khu vực 5 - Vĩnh Long) (1b);
- Chi cục THADS huyện T (nay là Phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Vĩnh Long) (1b);
- Phòng GĐ, KT, TT và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

Lê Minh Đạt